TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 15 tháng 04 năm 2024

Số: 52/2024/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 61/2024/TLST – HNGĐ, ngày 28/03/2024 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Đình H1 - sinh năm 1989. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Đội E, thôn F, xã T, huyện K, tỉnh H.

2. **Bị đơn:** Chị Lê Thị Tr - sinh năm 1989. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đào Thị Quỳnh A sinh ngày 17/08/2010; cháu Đào Việt A1, sinh ngày 18/07/2012; cháu Đào Thị Ngọc A2, sinh ngày 31/10/2016. Người giám hộ cho cháu Quỳnh A, Việt A1, Ngọc A2 là anh Đào Đình H1 và chị Lê Thị Tr– bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 04 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/04/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn anh Đào Đình H1 và bị đơn chị Lê Thị Tr**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Đào Thị Quỳnh A, sinh ngày 17/08/2010; cháu Đào Việt A1, sinh ngày 18/07/2012; cháu Đào Thị Ngọc A2, sinh ngày 31/10/2016 cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Quỳnh A, cháu Ngọc A2 và cháu Việt A1 trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H1, chị Tr không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H1 có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Anh H1 và chị Tr không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

2.3. Về án phí: Anh Đào Đình H1 tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được chị Tr nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh H1 đã nộp theo biên lai thu số 0001196, ngày 28/03/2024, nên anh H1 được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K;*
- *UBND xã T;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THU H2